

Hà Nội, ngày 4 tháng 7 năm 2011

**THÔNG TƯ****Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu mặt hàng  
sắt thép phế liệu, phế thải thuộc nhóm 7204  
trong Biểu thuế xuất khẩu**

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22/11/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu mặt hàng sắt thép phế liệu, phế thải thuộc nhóm 7204 trong Biểu thuế xuất khẩu như sau:

**Điều 1. Mức thuế suất thuế xuất khẩu.**

Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu mặt hàng sắt thép phế liệu, phế thải thuộc nhóm 7204 qui định tại Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Thông tư số 184/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính quy định mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế như sau:

| Số TT | Mô tả hàng hoá  | Thuộc các nhóm, phân nhóm |  |  |  | Thuế suất (%) |
|-------|---|---------------------------|--|--|--|---------------|
| 51    | Sắt thép phế liệu, phế thải (trừ phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột đẽo của thép, đã hoặc chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó). |                           |  |  |  |               |

| Số TT | Mô tả hàng hoá              | Thuộc các nhóm, phân nhóm |    |    |    | Thuế suất (%) |
|-------|-----------------------------|---------------------------|----|----|----|---------------|
|       | - <b>Bảng thép không gỉ</b> | 7204                      | 21 | 00 | 00 | 15%           |
|       | - Loại khác                 | 7204                      |    |    |    | 22%           |

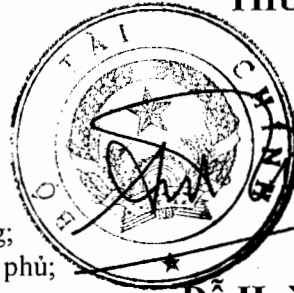
## Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **18** tháng **9** năm 2011. / *ke*

### Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân TC;
- Viện Kiểm sát nhân dân TC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (PXNK).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)